TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05-12-2025

V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mai Chiến Trực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hết

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Dương

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Võ Thị Hồng Xuyến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

Ngày 05 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: ấp A1, xã T1, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Nguyễn Thị Hồng C xin vắng mặt; ông Nguyễn Văn Tr vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng C trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn Tr tự nguyện tổ chức đám cưới và sống chung với nhau từ trước năm 1997, đến năm 2006 thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/8/2006. Sau khi chung sống và kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên đã ly thân từ năm 2008 đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Tr nên yêu cầu xin được ly hôn.

Về con chung: bà và ông Nguyễn Văn Tr có 02 con chung là Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 2002 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà và ông Tr không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên bà không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa được. Vì vậy, bà có đơn xin vắng mặt tại Tòa án và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn Tr đến để tiến hành hòa giải nhưng ông Tr vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Hồng C khởi kiện ông Nguyễn Văn Tr yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn Tr là bị đơn cư trú tại xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, nay là xã Thành Thới, tĩnh Vĩnh Long nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, luật Tư pháp người chưa thành niên, luật Phá sản và luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Hồng C có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà C theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn Tr là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông Tr vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Tr theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Hồng C và ông Nguyễn Văn Tr tự nguyện tổ chức đám cưới và sống chung với nhau từ trước năm 1997, đến năm 2006 thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/8/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân, bà C cho rằng sau khi chung sống và kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên đã ly thân từ năm 2008 đến nay. Xét thấy, Tòa án đã triệu tập ông Tr để tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông Tr

vắng mặt và không có lời trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà C thể hiện ông không muốn hàn gắn tình cảm với bà C. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà C và ông Tr là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng C.

[2.2] Về con chung: bà Nguyễn Thị Hồng C và ông Nguyễn Văn Tr có 02 con chung là Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 2002 hiện tại đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị Hồng C khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Hồng C phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, luật Tư pháp người chưa thành niên, luật Phá sản và luật Hòa giải, đối thoại Tại tòa án;

Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng C đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Tr, cụ thể tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Hồng C được ly hôn ông Nguyễn Văn Tr.

2. Về con chung: 02 con chung là Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 2002 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết;

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị Hồng C khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Hồng C phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004138 ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: bà Nguyễn Thị Hồng C và ông Nguyễn Văn Tr vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Thành Thới, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Mai Chiến Trực